

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2009

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 1B, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: 0650 3791038

Fax: 0650 3791037

Chi nhánh Hưng Yên:

Địa chỉ: Xã Liêu Xá, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Website: www.miraejsc.com.vn

Số điện thoại: 0321 3974 170

Fax: 0321 974 172

M C L C

I. L CHS HO T NG C A CÔNG TY	1
1. Nh ng s ki n quan tr ng	1
2. nh h ng phát tri n	3
II. BÁO CÁO C A H I NG QU N TR	4
1. Nh ng nét n i b t c a k t qu ho t ng trong n m	4
2. Tình hình th c hi n n m 2009 so v i k ho ch	5
3. Tri n v ng và k ho ch phát tri n kinh doanh n m 2009	6
II. BÁO CÁO C A BAN GIÁM C	10
1. Báo cáo tình hình tài chính	10
1.1 Các h s tài chính	10
1.2 Giá tr s sách t i th i i m 31/12/2009	11
1.3 Nh ng thay i v v n c ông	11
1.4 T ng s c phi u theo t ng lo i t i th i i m 31/12/2009	11
1.5 C t c n m 2009	11
2. Báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh	12
2.1 Doanh thu bán hàng và cung c p d ch v các l nh v c kinh doanh c a Công ty	12
2.2 Nguyên v t li u và Chi phí s n xu t	12
2.3 L i nhu n	14
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KI M TOÁN	16
1. B ng cân i k toán t i ngày 31/12/2009	16
2. Báo cáo k t qu kinh doanh	18
3. Báo cáo L u chuy n t i n t n m 2009 (Theo ph ng pháp giá n ti p)	19
V. B N G I TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KI M TOÁN	20
1. Ki m toán c l p	20
2. Ki m toán n i b	21
VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	21
VII. T CH C VÀ NHÂN S	21
1. C c ut ch c c a công ty	21
2. S l ng cán b nhân viên và chính sách i v i ng i lao ng	23
2.1 S l ng cán b công nhân viên	23
2.2 Chính sách i v i ng i lao ng	23
VIII. THÔNG TIN C ÔNG GÓP V N VÀ QU N TR CÔNG TY	25
1. Thành viên H i ng qu n tr , Ban giám c, Ban ki m soát, K toán tr ng	25
2. Thù lao cho H i ng qu n tr và Ban ki m soát	36
3. Các d li u th ng kê v c ông góp v n	36
3.1 C ông trong n c	36
3.2 C ông n c ngoài	36
3.3 Thông tin v c ông l n	37
IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC	37
1. Các ho t ng xã h i	37
2. Các ho t ng i ngo i v i nhà ut	37

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY****1. Những sự kiện quan trọng****❖ Việc thành lập**

Công ty Cổ phần Mirae hiện thân là Công ty TNHH Mirae Fiber VN, chính thức thành lập ngày 15/11/2001. Công ty TNHH Mirae Fiber VN có chủ đầu tư là Công ty TNHH Mirae Fiber Technology Co., Ltd. Trải qua quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Mirae có các cột mốc đáng nhớ sau:

Ngày 15/11/2001, Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Bình Dương được thành lập lấy tên là Công ty TNHH Mirae Fiber VN theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD với mức vốn đầu tư đăng ký là 950.000 đô la Mỹ, vốn pháp định là 650.000 đô la Mỹ, thời hạn hoạt động là 44 năm;

Ngày 20/02/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 1.900.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GP C1-KCN-BD, vốn pháp định là 950.000 đô la Mỹ;

Ngày 18/06/2002, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 2.050.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GP C2-KCN-BD. Vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 23/06/2003, Công ty thay đổi giấy phép đầu tư tăng mức vốn đầu tư đăng ký lên 3.500.000 đô la Mỹ theo giấy chứng nhận đầu tư số 130/GP C3-KCN-BD, vốn pháp định là: 1.050.000 đô la Mỹ;

Ngày 25/11/2004, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Dương chuyển đổi thành đổi giấy phép đầu tư số 130B/GP-KCN-BD với việc điều chỉnh vốn đầu tư, theo đó vốn đầu tư đăng ký mới là 8.182.370 đô la Mỹ, vốn pháp định là: 2.500.000 đô la Mỹ;

Ngày 10/12/2004, Chi nhánh của Công ty TNHH Mirae Fiber VN tại Hưng Yên tách ra hoạt động độc lập theo Giấy phép đầu tư số 130/GP-KCN-BD-GP C1-HY;

Ngày 29/11/2005, Công ty TNHH Mirae Fiber VN được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định cấp giấy phép đầu tư số 130B/GP-C2-KCN-BD với vốn đầu tư là 10.282.370 triệu USD, vốn pháp định là 3.760.000 triệu USD;

❖ **Chuyển đổi thành công ty cổ phần**

Theo tinh thần của Nghị định 101/2006/NĐ-CP ban hành ngày 21/09/2006 về việc chuyển đổi mô hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty TNHH Mirae Fiber VN đã thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động. Ngày 06/07/2007, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký số 461033000152 do UBND Tỉnh Bình Định cấp với việc chuyển đổi ngành và thành lập công ty cổ phần với vốn đầu tư đăng ký là 116.820.660.000 đồng, tổng cộng 7.260.000 triệu USD. Và hình thức chuyển đổi là “Giảm nguyên giá trị doanh nghiệp và bán một phần vốn của chủ đầu tư”. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 06/07/2007.

Ngày 28/11/2007, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chấp thuận thay đổi lần thứ nhất giấy phép đăng ký số 461033000152 với vốn đầu tư đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tổng cộng 8.260.000 triệu USD.

Ngày 06/07/2008, Công ty Cổ phần Mirae được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chấp thuận thay đổi lần thứ ba giấy chứng nhận đăng ký số 461033000152 với vốn đầu tư đăng ký là 132.870.660.000 đồng, tổng cộng 8.260.000 triệu USD.

Kể từ khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Công ty đã liên tục tăng trưởng, không ngừng mở rộng sản xuất và ngày càng lớn mạnh. Với những nỗ lực vượt qua khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và khó khăn của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, nhất là những hạn chế của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước.

❖ **Niêm yết**

Ngày 30/06/2008, chủ tịch của Công ty Cổ phần Mirae đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Chủ tịch của Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã KMR. Số lượng cổ phần niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán

H Chí Minh là **7.236.850** cổ phần, tổng giá trị là **72.368.500.000** đồng. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 60.000 đồng/cổ phiếu.

❖ **Hợp nhất với Công ty Cổ phần Mirae Fiber :**

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc hợp nhất kinh doanh với Công ty Cổ phần Mirae Fiber thông qua nghị quyết chuyển đổi cổ phiếu của 100% giá trị tài sản thu nhận của Công ty Cổ phần Mirae Fiber. Công ty đã phát hành thêm 14.017.123 cổ phiếu cho việc hợp nhất kinh doanh này, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 273.041.890.000 đồng.

❖ **Niêm yết bổ sung:**

Ngày 12 tháng 02 năm 2010, 14.017.123 cổ phiếu phát hành thêm do hợp nhất với Công ty Cổ phần Mirae Fiber đã niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM, nâng tổng số cổ phiếu KMR niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM là 21.253.973 cổ phiếu.

2. Những thành tựu phát triển :

Trải qua quá trình gần 9 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Mirae đã dần khẳng định vị trí của mình trong ngành sản xuất nguyên vật liệu cung cấp cho ngành may mặc. Với thị trường chi nhánh của Công ty Cổ phần Mirae Fiber Tech của Hàn Quốc tại Việt Nam, chuyên sản xuất theo các đơn hàng cung cấp nguyên liệu cho Công ty mẹ, nay, Công ty đã trở thành một công ty độc lập, là một trong những nhà cung cấp nguyên liệu lớn nhất cho ngành may mặc Việt Nam, đồng thời xuất khẩu sang các nước khác. Hiện nay, tập trung các lợi thế nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã bắt đầu phát triển ngành hàng quần áo, giày, dệt năm 2008.

Năm 2009, Sau khi sáp nhập với Công ty Cổ phần Mirae Fiber thì tình hình Hàng Yên phía Bắc, với quy mô hoạt động mở rộng và các nguồn lực dồi dào, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn đưa các mục tiêu phát triển cao hơn của Mirae trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong môi trường ngành dệt may của Công ty, bao gồm không chỉ có ngành chế biến sản xuất dệt, mà còn có các ngành sản xuất quần áo, giày, dệt và đặc biệt là ngành sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất dệt.

❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất mền bông cao cấp các loại, sản xuất các sản phẩm chăn ga, gối, đệm, sản xuất máy móc thiết bị và cung cấp bông sợi cho các nhà máy sản xuất mền.

Công ty đã và đang có kế hoạch mở rộng thị phần bằng cách mở các chi lý công quy, hình thức giao hàng tận nhà nhằm phân phối các sản phẩm chăn, ga, gối, đệm và tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty trong và ngoài nước.

Sản phẩm của Công ty phân phối xuất khẩu sang các nước Châu Âu và Hàn Quốc. Hiện nay, Công ty cũng đang hướng tới việc mở rộng thị trường sang các nước Campuchia và Indonesia.

II. BÁO CÁO CHIA HỖ VÀ NGUYÊN TR

1. Những nét nổi bật về kết quả hoạt động trong năm :

Năm 2009, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô nhiều biến động, đặc biệt là các tháng đầu năm với tình trạng khủng hoảng và suy thoái nền kinh tế, ngành may mặc Việt Nam, trong đó có Công ty Mirae, vẫn kiên trì bám sát thị trường và nỗ lực vượt qua những khó khăn của nền kinh tế, linh hoạt tìm kiếm giải pháp phù hợp với các biến động của thị trường, giúp Công ty tiếp tục kết quả kinh doanh tăng tích cực.

Công ty đã thực hiện theo đúng những nội dung của Nghị Quyết Hội đồng Thường niên năm 2009, tập trung phát triển mảng hàng chăn là bông tằm, dệt thoi dệt len dệt nguyên vải lụa vào là Padding, Quilting và quần vest nhập khẩu từ các nhà cung cấp Hàn Quốc phát triển ngành hàng chăn, ga, gối, đệm (Bedding). Doanh thu của sản phẩm Padding và Bedding tăng trưởng cao, với lợi nhuận tăng lần lượt là 28,93% và 36,09%. Bên cạnh đó, nhãn hiệu Vivabon của các sản phẩm bedding đã thực sự chiếm lĩnh niềm tin của người tiêu dùng Việt Nam. Đến cuối năm 2009, Công ty đã có trên 100 chi nhánh phân phối sản phẩm Bedding tại TP HCM và các tỉnh thành ở Nam Bộ và phía nam.

Năm 2009 cũng đánh dấu một bước phát triển quan trọng của Công ty. Đó là việc hình thành kinh doanh với Công ty Cổ phần Mirae Fiber. Việc hình thành đã giúp nâng cao vị thế của

Công ty trong ngành, Miraе trở thành nhà cung cấp các sản phẩm padding lớn nhất thị trường Việt Nam. Ngoài ra, các lợi thế tài chính, thị trường, quản lý và nhân sự do vị trí hợp nhất emlis là đòn bẩy giúp Miraе thực hiện hành công các kế hoạch phát triển của Công ty, trong đó có kế hoạch phát hành và niêm yết cổ phiếu thị trường chứng khoán Hà Nội.

2. Tình hình thực hiện năm 2009 so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Thực hiện/Kế hoạch	So sánh Năm 2009/năm 2008
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	169.71	227.50	189.42	83.26%	Tăng 11.61%
Vốn chi sử dụng (tỷ đồng)	186.21	186.21	363.35	195.12%	Tăng 195.12%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	14.82	42.79	29.48	68.90%	Tăng 98.92%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (%)	8.73%	18.81%	15.56%		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /Vốn chi sử dụng (%)	7.96%	22.98%	8.11%		

Doanh thu năm 2009 đạt 83.26% so với kế hoạch và tăng 11.61% so với năm 2008, lợi nhuận tăng 98.92% so với năm 2008 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Các chính sách hỗ trợ mạnh mẽ của chính phủ năm 2009 nhằm thực hiện chương trình kích cầu xuất và tiêu dùng, ngành chăn nuôi suy giảm kinh tế: giảm 50% mức thu suất thu giá trị gia tăng của các mức hàng sợi, vải và sản phẩm của ngành may, hỗ trợ lãi suất tín dụng ngân hàng...
- Giá bán sản phẩm tăng, giá nguyên vật liệu tăng đáng kể do lợi thế quản lý hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp trong và ngoài nước.
- Các sản phẩm mới như chần, ra, gùi, m lò xo... trong năm 2009 sản xuất ẵi vào năm, chi phí đầu vào giảm, nhân công thấp hơn, mức lợi nhuận phân phối sản phẩm cao.

ring...

Vn ch s h u n m 2009 t ng 95.12% so v i n m 2008 do t i ng ày 31 tháng 12 n m 2009, Công ty ã hoàn thành vi c h p nh t kinh doanh v i Công ty C ph n Mirae Fiber thông qua nghi p v hoán i c phi u s h u 100% giá tr tài s n thu n c a Công ty C ph n Mirae Fiber.

3. Tri n v ng và k ho ch phát tri n kinh doanh n m 2010

❖ **Các ch tiêu k ho ch n m 2010**

Ch tiêu	K h ach N m 2010
V n i u l (ng)	324.919.840.000
Doanh thu bán hàng hoá	410.078.000.000
<i>Doanh thu hàng bán Padding + Quilting</i>	221.715.000.000
<i>Doanh thu hàng bán Bedding</i>	45.480.000.000
<i>Doanh thu bán n m lò xo</i>	34.110.000.000
<i>Doanh thu bán n n padding</i>	20.845.000.000
<i>Doanh thu bán s i (fiber)</i>	32.215.000.000
<i>Doanh thu s n xu t và l p ráp máy móc</i>	31.078.000.000
<i>Các s n ph m khác</i>	24.635.000.000
L i nhu n sau thu (ng)	47.243.060.625
T I LN sau thu /V n i u l (%)	14,54%

❖ **Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

• **Thuận lợi:**

Kiểm soát chi phí của ngành may mặc trong năm 2010: Với lợi thế thị trường thế giới song phần lớn Việt Nam, Thu hàng vào Nhật Bản 0, và nền kinh tế Mỹ đang hồi phục kéo nhu cầu tiêu thụ hàng may mặc tăng lên, giá nhân hàng xuất khẩu các nước sản xuất hàng may mặc Châu Á như Trung Quốc, Bangladesh, tăng lên 20% do giá nhân công tăng cao. Trong bối cảnh đó mức tăng giá 10% Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn.

Quy mô hoạt động mở rộng sau sáp nhập: Đây sẽ là lợi thế cho công ty trong việc đa dạng hóa sản phẩm, tiếp cận vị trí thị trường mới tại khu vực phía Bắc, tiếp nhận các công nghệ kỹ thuật trong ngành lắp ráp, sản xuất máy móc thiết bị, có lợi thế hơn trong việc ký hợp đồng mua nguyên vật liệu như sợi len...

• **Khó Khăn:**

Những rủi ro về môi trường: Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước ảnh hưởng là rất nặng nề qua giai đoạn khủng hoảng và cảnh báo sâu sắc hơn trong năm 2010, vẫn còn tiềm tàng rất nhiều rủi ro như sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu, nguy cơ tái lạm phát trong nước.

Những rào cản kỹ thuật cho ngành dệt may Việt Nam: Do luật bảo vệ môi trường cho ngành dệt may, có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. Theo luật này, các lô hàng XK vào Mỹ phải có giấy kiểm nghiệm của bên thứ 3 xác nhận sản phẩm sử dụng nguyên liệu làm bằng cho sản phẩm dệt may. Nhà sản xuất sản phẩm chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào gây ra cho ngành dệt may. Điều này sẽ buộc các nhà cung cấp vật liệu cho các nhà hàng xuất vào quốc gia này không những phải cam kết chất lượng mà còn phải thêm kinh phí để duy trì các chứng nhận chất lượng phù hợp với yêu cầu của nhà nhập khẩu từ Mỹ và thị trường khác. Không chỉ riêng có Mỹ mà các rào cản kỹ thuật trong ngành Dệt may Việt Nam, mà hầu hết các nước có hàng Việt Nam nhập khẩu đều có các rào cản kỹ thuật. Ví dụ như vị trí thị trường Nhật Bản (sau thị trường Mỹ và EU),

rào cản kỹ thuật là vì các yêu cầu các sản phẩm phải có công nghệ sản xuất và thân thiện với môi trường.

Cạnh tranh: Tình hình cạnh tranh trong các ngành hàng chủ lực của công ty ngày càng trở nên gay gắt hơn. Mặt sản phẩm hoàn toàn máy móc hiện đại được xây dựng nhà máy cung cấp nguyên liệu riêng, phân khúc “Trung & Thượng” của sản phẩm Chén, Ràng, Giày, mang công nghệ tiên tiến tranh giành thị phần của hàng trăm doanh nghiệp và nhà sản xuất.

❖ **Mặt sản phẩm pháp thực hiện kế hoạch năm 2010:**

• **Sản xuất kinh doanh**

Phát triển ngành hàng Chén, Ràng, Giày, mang thị trường phía Bắc:

Trong năm nay, sản phẩm trung phát triển hướng phân phối thị trường này thông qua việc đầu tư ngành Marketing tại chi nhánh Hà Nội tìm hiểu và xác định nhu cầu của người tiêu dùng, tìm kiếm các nhà phân phối có kinh nghiệm và nhãn hiệu VivaBon thâm nhập thị trường phía Bắc một cách hiệu quả nhất. Ngoài ra, hiện tại công ty đã đầu tư thêm nhà xưởng sản xuất Chén, Ràng, Giày, mang với quy mô gấp đôi lần so với quy mô trước đây, sẵn sàng cung cấp kịp thời nhu cầu công nghệ hiện đại và hiện nay các khách hàng và dòng sản phẩm này.

Trong dài hạn, khi nhãn hiệu VivaBon đã có một vị trí nhất định, sẽ hướng đến việc phát triển nhà máy sản xuất mặt hàng này tại Chi nhánh Hà Nội để giảm chi phí vận chuyển và tận dụng công nhân công có kinh nghiệm trong lĩnh vực may thêu tại phía Bắc.

Tập trung mạnh tiêu thụ các sản phẩm Chén, Ràng, Giày, mang thị trường phía Nam và Miền Trung:

Tại Thành Phố Hồ Chí Minh tập trung vào phân khúc khách hàng cao cấp với các dòng sản phẩm sang trọng, cao cấp, các phân phối tại các siêu thị mua sắm cao cấp tại Trung Tâm Sài Gòn và các khu dân cư cao cấp như Phú Mỹ Hưng Quận 7,

Tập trung phát triển, duy trì hệ thống bán hàng tại TP HCM và các tỉnh thành và ngược trở lại với dòng sản phẩm “trung cấp”.

m b o nh p nguyên v t li u t t nh t t các n c có l i th s n xu t trong l nh v c may m c s n ph m luôn c khách hàng c ánh giá cao v ch t l ng và t ó t o nên nh h ng không nh i v i nh ng khách hàng m i.

y m nh công tác Marketing, qu ng cáo trên các kênh truy n thông phù h p v i ng i tiêu dùng, l p k ho ch cho các ch ng trình khuy n mãi,

Tìm các i tác trong và ngoài n c xu t kh u s n ph m công ty sang các th tr ng qu c t , và phát tri n nhóm khách hàng Khách s n, Khu ngh đ ng, Serviced Apartment ...

Nâng cao ch t l ng s n ph m c a ngành hàng ch l c là Padding và Quilting :

Hi n i hóa môi tr ng và quy trình s n xu t, ki m soát ch t l ng t i các nhà x ng m b o ch t l ng c a s n ph m, s n sàng i phó v i các rào c n k thu t c a các n hàng xu t kh u.

i u ph i k ho ch s n xu t gi a hai nhà máy t i Bình D ng và H ng Yên kh c ph c tình tr ng quá t i n hàng trong nh ng tháng mùa v nh ng l i nhàn r i trong nh ng tháng ngoài mùa v .

Nâng c p dây chuy n s n xu t Quilting b ng vi c u t mua m i các máy móc thiết b hi n i h n có th t o nên nh ng s n ph m k thu t cao, ngoài vi c áp ng nhu c u ngày càng cao c a các n hàng gia công c a khách hàng, ng th i h tr cho k hoach phát tri n dòng s n ph m Ch n,Ra,G i cao c p v i các ki u ch n, thêu k thu t cao.

Xây d ng phân x ng s n xu t máy móc s n xu t m, gòn t i tr s Bình D ng:

Thâm niên h at ng trong ngành, quan h g n bó lâu dài v i các i tác s là c s

Công ty tìm ki m khách hàng có nhu c u mua s m các máy móc, thi t b này.

Ph i h p v i phân x ng t i chi nhánh H ng Yên ào t o i ng k s , công nhân c khí có th s n sàng th c hi n các n hàng máy móc cung ng cho th tr ng phía Nam.

- ***Công tác qu n lý ngu n nhân l c:***

Kết hợp với ban lãnh đạo các chi nhánh Hà Nội, các club máy quản lý, cải tiến qui trình hoạt động tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm chi phí quản lý.

Duy trì các chính sách đãi ngộ với cán bộ công nhân viên thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, sẵn sàng đóng góp cho các kế hoạch phát triển của Công ty.

• **Các dự án đầu tư**

Theo chương trình kế hoạch công thông qua bằng hình thức lý thuyết và bằng văn bản trong năm 2008, Công ty sẽ thực hiện kế hoạch phát hành và niêm yết 8 triệu đô la Mỹ thị trường chứng khoán KOSDAQ của Hàn Quốc. Tiến hành: Đăng ký và hoàn thành trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ lúc chính thức nhận vốn và bắt đầu phát hành và triển khai thực hiện (Đăng ký bắt đầu vào tháng 7 và kết thúc vào khoảng tháng 12 năm 2010).

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

❖ **Các chỉ số tài chính**

STT	Chỉ tiêu	vt	Năm trước	Năm nay
1	Cấu trúc tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63,51%	59,54%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		36,49%	40,46%
2	Cấu trúc nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,77%	30,13%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		69,23%	69,87%
3	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		5,51%	5,67%

- T su t l i nhu n sau thu /Doanh thu thu n	8.73%	15,56%
- T su t l i nhu n sau thu /Ngu n v n ch s h u	7.96%	8,11%

❖ Giá tr s sách t i th i i m 31/12/2009

Tài s n (ng)		Ngu n v n (ng)	
I. Tài s n ng n h n	210.414.853.705	I. N ph i tr	156.655.926.834
II. Tài s n dài h n	309.591.237.795	II. V n ch s h u	363.350.164.666
T ng c ng	520.006.091.500	T ng c ng	520.006.091.500

❖ Nh ng thay i v v n c ông :

T i ngày 31 tháng 12 n m 2009, Công ty ã hoàn thành vi c h p nh t kinh doanh v i Công ty C ph n Mirae Fiber thông qua nghi p v hoán i c phi u s h u 100% giá tr tài s n thu n c a Công ty C Ph n Mirae Fiber. Công ty ã phát hành thêm 14.017.123 c phi u cho vi c h p nh t kinh doanh này, nâng v n i u l c a Công ty lên 273.041.890.000 ng.

❖ T ng s c phi u theo t ng lo i t i th i i m 31/12/20 09

- T ng s c phi u ã phát hành: 27.304.189 c phi u
Trong ó: C phi u ph thông: 27.304.189 c phi u
- T ng s c phi u c niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán H Chí Minh :
21.253.973 c phi u
Trong ó: C phi u qu : 4.253.857 c phi u
- Công ty không phát hành lo i trái phi u nào.

❖ C t c n m 2009

i h i d ng c ông th ng niên ã thông qua ph ng án phát hành c phi u th ng cho c ông hi n h u, t l 100:20. Tuy nhiên, m t nhóm c ông g m các c ông sáng l p v à c ông l n c a MIRAE v i lý do g n k t trách nhi m v i Công ty v à óng góp lâu dài cho Công ty nên t ng u n xin nh n t l c phi u th ng là 17,7% (100:17,7), chuy n quy n nh n t l c phi u th ng 2,3% (100:2,3) cho các c ông còn l i.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các lĩnh vực kinh doanh của Công ty**

STT	Khoản mục	Năm 2008	Tỷ trọng	Năm 2009	Tỷ trọng	% tăng/giảm
	Doanh thu bán hàng hoá	169.708.953.103	100,00%	189.415.174.031	100,00%	12%
1	Doanh thu hàng bán Padding	105.123.214.897	61,94%	135.533.047.765	71,55%	29%
2	Doanh thu hàng bán Quilting	22.396.187.413	13,20%	15.660.398.695	8,27%	-30%
3	Doanh thu hàng bán Bedding	23.764.806.278	14,00%	32.341.054.502	17,07%	36%
4	Doanh thu hàng gia công	673.173.315	0,40%	978.256.936	0,52%	45%
5	Doanh thu bán máy	17.751.571.200	10,46%	0	0	-100%
6	Năm lò xo			4.902.416.133	2,59%	100%

Năm 2009, doanh thu bán hàng của Công ty đạt 189 tỷ, tăng 12% so với năm 2008. Trong đó, Padding vẫn là ngành hàng chủ lực của Công ty, đóng góp 71,55% doanh thu. Ngành này là ngành hàng chủ chốt, ra, giá... Đây là một ngành mà Công ty phát triển từ năm 2008. Công ty đã xây dựng thành công phân phối sản phẩm thị trường ở Nam và Trung vào các tỉnh phía nam, giúp doanh thu tăng hàng năm này tăng 36% so với năm 2008. Năm 2009, Công ty cũng đã đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất năm lò xo, đem lại doanh thu gần 5 tỷ. Riêng ngành hàng sản xuất máy đã không đem lại doanh thu trong năm 2009. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập với Công ty con Mirae Fiber, trong năm 2010, Công ty sẽ tập trung phát triển ngành hàng này.

❖ **Nguyên vật liệu và Chi phí sản xuất**

- Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất của Công ty là các loại bông hóa học sản xuất bằng công nghệ cao đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Loại cao cấp nhất là loại bông dệt bằng công nghệ có loại sợi dệt bằng bông (có thể là 41), có tác dụng giữ nhiệt mà bông tự nhiên không thể đáp ứng được, sản xuất quần áo jacket, quần áo thể thao, thú nhồi bông và chăn, ga, gối, đệm. Theo yêu cầu kỹ thuật của mỗi loại sản phẩm mà Công ty sản xuất các loại bông nguyên liệu khác nhau. Có thể kể ra loại bông nguyên liệu đưa vào chính thức sản xuất: Bông PE 7Dx64 mm; 3Dx51mm, 6Dx51mm, 7Dx32mm/có silicon, không có silicon... Ngoài các nguyên liệu chính, Công ty còn sản xuất các loại nguyên liệu phụ khác để tạo ra các loại sản phẩm khác nhau, các loại nguyên liệu phụ chính thức sản xuất là: keo polyme acrylic, chمای các loại, nylon...

Nguyên vật liệu phụ cho hoạt động sản xuất chủ yếu nhập từ nước ngoài (Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan,...), đảm bảo yêu cầu về chất lượng và độ bền vững cho loại hàng. Hàng năm, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ công ty sáng lập (Mirae Fiber Tech Co., Ltd) trong việc đảm bảo tình hình thị trường, nhu cầu và khi cần thiết các nhà cung cấp có kế hoạch nhập khẩu và dự trữ nguyên vật liệu tối ưu, đáp ứng yêu cầu nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong những năm gần đây, Công ty đã tích cực tìm kiếm các nguồn nguyên vật liệu trong nước thay thế cho nhập khẩu, tuy nhiên số lượng các nhà cung cấp trong nước còn rất ít, khả năng cung cấp chỉ đáp ứng được khoảng 5% nhu cầu nguyên vật liệu của Công ty.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty là giá mua nguyên vật liệu và sự biến động giá, giảm của nó. Vì giá mua nguyên vật liệu, Công ty luôn đảm bảo các sản phẩm bán với giá mua bằng vì ký kết hợp đồng với các nhà sản xuất cung ứng trực tiếp thông qua Mirae Fiber Tech Co., Ltd (tại Hàn Quốc), hỗ trợ các nhà sản xuất này đã có quan hệ kinh tế lâu năm với Mirae Fiber Tech Co., Ltd.

• **Chi phí sản xuất**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	T trọng trong DT	Năm 2009	T trọng trong DT
1	Doanh thu thuần	169.708.953.103	91,03%	189.415.174.031	85,71%
2	Giá vốn hàng bán	125.877.218.750	74,17%	123.133.744.214	65,01%
3	Chi phí bán hàng	6.737.279.877	3,76%	8.206.708.851	4,33%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.696.985.091	5,12%	14.650.505.380	7,73%
5	Chi phí tài chính	13.531.036.994	7,97%	16.349.025.537	8,63%

Trong năm 2009, công tác kiểm soát chi phí đã phát huy hiệu quả, trọng chi phí sản xuất/doanh thu thuần năm 2009 đã giảm so với năm 2008. Về mặt quản lý khó khăn của nền kinh tế nói chung, Công ty vẫn duy trì trọng giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần mức hợp lý, giảm 9,16% so với năm 2008. Chi phí tài chính năm 2009 tăng do Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào Công ty tài chính Hafid và Elisha. Các chi phí khác Công ty giữ mức hợp lý đáp ứng với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, có chính sách tài chính hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo tính cân bằng trong các nguồn vốn và khoản thanh toán.

❖ **Lợi nhuận**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm
1	Lợi nhuận sau thuế	14.817.196.818	29.480.621.631	98,96%
2	Tổ số LNST/TTS	5,51%	5,67%	0,16%
3	Tổ số LNST/DT thuần	8,73%	15,56%	6,83%

4	T su t LNST/VCSH	7,96%	8,11%	0,16%
---	------------------	-------	-------	-------

Năm 2009 lợi nhuận Công ty đạt 29.480.621.631 đồng, mặc dù không đạt kế hoạch ra mắt các sản phẩm mới của Công ty đã đạt 98,96% so với năm 2008. Kết quả kinh doanh tốt là do Công ty đã phát triển các ngành hàng mới. Các chỉ tiêu T su t LNST/DT thu nhập đạt 6,83% cho thấy Công ty đã phát huy các hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí sản xuất, tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KẾT QUẢ TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Mẫu B 01-DN Đơn vị: VNĐ	
			31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.414.853.705	98.158.759.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.686.504.094	1.915.572.107
1. Tiền	111	5	10.686.504.094	1.915.572.107
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.075.187.155	77.262.253.874
1. Phải thu khách hàng	131	6	124.534.891.136	57.425.100.461
2. Trả trước cho người bán	132		10.378.093.854	6.491.783.898
3. Các khoản phải thu khác	135		9.994.650.416	13.345.369.515
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.832.448.251)	-
III. Hàng tồn kho	140	7	54.042.266.952	16.452.249.238
1. Hàng tồn kho	141		54.463.376.628	16.722.211.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(421.109.676)	(269.962.483)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.610.895.504	2.528.684.116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		359.814.519	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.478.182.264	1.059.243.499
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.094.256.423	1.138.757.546
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		678.642.298	330.683.071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		309.591.237.795	170.833.502.285
I. Tài sản cố định	220		249.892.538.559	153.635.369.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	218.353.213.561	133.479.262.130
- Nguyên giá	222		302.968.790.893	162.571.176.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.615.577.332)	(29.091.914.241)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	478.848.985
- Nguyên giá	225		-	682.709.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(203.860.362)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	15.801.213.397	16.217.102.629
- Nguyên giá	228		17.267.514.000	17.236.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.466.300.603)	(1.018.897.371)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	15.738.111.601	3.460.155.974
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	-	15.496.640.395
1. Đầu tư dài hạn khác	258		8.400.000.000	20.307.554.395
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.400.000.000)	(4.810.914.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		59.698.699.236	1.701.492.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	56.586.540.302	1.605.512.740
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	3.029.685.043	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		82.473.891	95.979.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		520.006.091.500	268.992.261.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		156.655.926.834	82.777.742.640
I. Nợ ngắn hạn	310		141.322.965.249	80.463.320.540
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	105.290.570.328	45.055.227.855
2. Phải trả người bán	312		14.349.967.012	28.168.993.932
3. Người mua trả tiền trước	313		1.369.505.534	4.997.446.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	16.225.700.224	917.126.075
5. Phải trả người lao động	315		2.277.642.020	783.047.982
6. Chi phí phải trả	316		1.197.811.682	41.862.554
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		611.768.449	499.615.456
II. Nợ dài hạn	330		15.332.961.585	2.314.422.100
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	14.206.840.700	1.780.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.126.120.885	534.422.100
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363.350.164.666	186.214.518.980
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	363.229.037.675	186.214.518.980
1. Vốn điều lệ	411		273.041.890.000	132.870.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.922.608.248	20.469.506.948
3. Cổ phiếu quỹ	414		(33.353.732.129)	(2.004.157.734)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.481.719.682	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		740.859.841	-
6. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	419		740.859.841	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		60.654.832.192	34.878.509.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		121.126.991	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		121.126.991	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		520.006.091.500	268.992.261.620



Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2010

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

2. Báo cáo k t qu kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2009	2008
1. Doanh thu gộp	01		189.933.142.125	170.717.623.873
2. Các khoản giảm trừ	02		(517.968.094)	(1.008.670.770)
3. Doanh thu thuần	10	18	189.415.174.031	169.708.953.103
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(123.133.744.214)	(125.877.218.750)
5. Lợi nhuận gộp	20		66.281.429.817	43.831.734.353
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	9.713.351.492	1.175.710.564
7. Chi phí tài chính	22	21	(16.349.025.537)	(13.531.036.994)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(4.716.801.018)</i>	<i>(6.299.010.443)</i>
8. Chi phí bán hàng	24		(8.206.708.851)	(6.373.279.877)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(14.650.505.380)	(8.696.985.091)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		36.788.541.541	16.406.142.955
11. Thu nhập khác	31		194.888.376	23.745.200
12. Chi phí khác	32		(791.246.221)	(208.706.061)
13. Lỗ khác	40		(596.357.845)	(184.960.861)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.192.183.696	16.221.182.094
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	(8.146.741.926)	(1.403.985.276)
16. Thuế thu nhập hoãn lại	52	13	1.435.179.861	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		29.480.621.631	14.817.196.818
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.054	1.107



Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2010

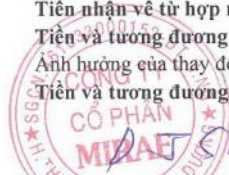
Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

3. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2008 (Theo phương pháp giá trị)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.192.183.696	16.221.182.094
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.638.409.778	9.593.017.410
Các khoản dự phòng	03	1.312.672.232	5.080.876.483
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(738.661.607)	(157.549.904)
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	37.056.335	(143.529.764)
Chi phí lãi vay	06	4.716.801.018	6.299.010.443
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	53.158.461.452	36.893.006.762
Tăng các khoản phải thu	09	(12.624.222.779)	(31.516.151.017)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(10.835.292.552)	1.629.372.181
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(20.313.584.850)	10.989.730.501
Tăng chi phí trả trước	12	(210.525.863)	(710.807.942)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.290.461.366)	(6.299.010.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(949.139.133)	(1.396.499.875)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.505.541	75.103.067
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(534.977.899)	(2.147.481.339)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.413.762.551	7.517.261.895
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.253.737.859)	(31.985.490.823)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	84.318.182	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(20.307.554.395)
4. Thu lãi tiền gửi	27	39.657.885	143.529.764
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.129.761.792)	(52.149.515.454)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần và nhận vốn góp của cổ đông	31	-	15.745.349.214
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ đã phát hành	32	-	(10.800.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	125.579.165.691	84.294.996.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.006.126.855)	(91.021.575.807)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(194.030.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	23.573.038.836	(1.975.261.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.857.039.595	(46.607.514.934)
Tiền nhận về từ hợp nhất kinh doanh		5.920.455.844	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.915.572.107	48.523.087.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(6.563.452)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.686.504.094	1.915.572.107



Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
Ngày 9 tháng 4 năm 2010

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

V. BẢNG TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 11, P. 1105, Trung Tâm TM Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT : +84 (0) 8 3910 0751
Fax : +84 (0) 8 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số. *28* Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mirae

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các ghi chú báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Mirae (sau đây gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 9 tháng 4 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1144/KTV

2. Kiểm toán nội bộ

Không có ý kiến

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vn góp của các thành viên: Không có

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vn góp do các thành viên: Không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cấu trúc của công ty

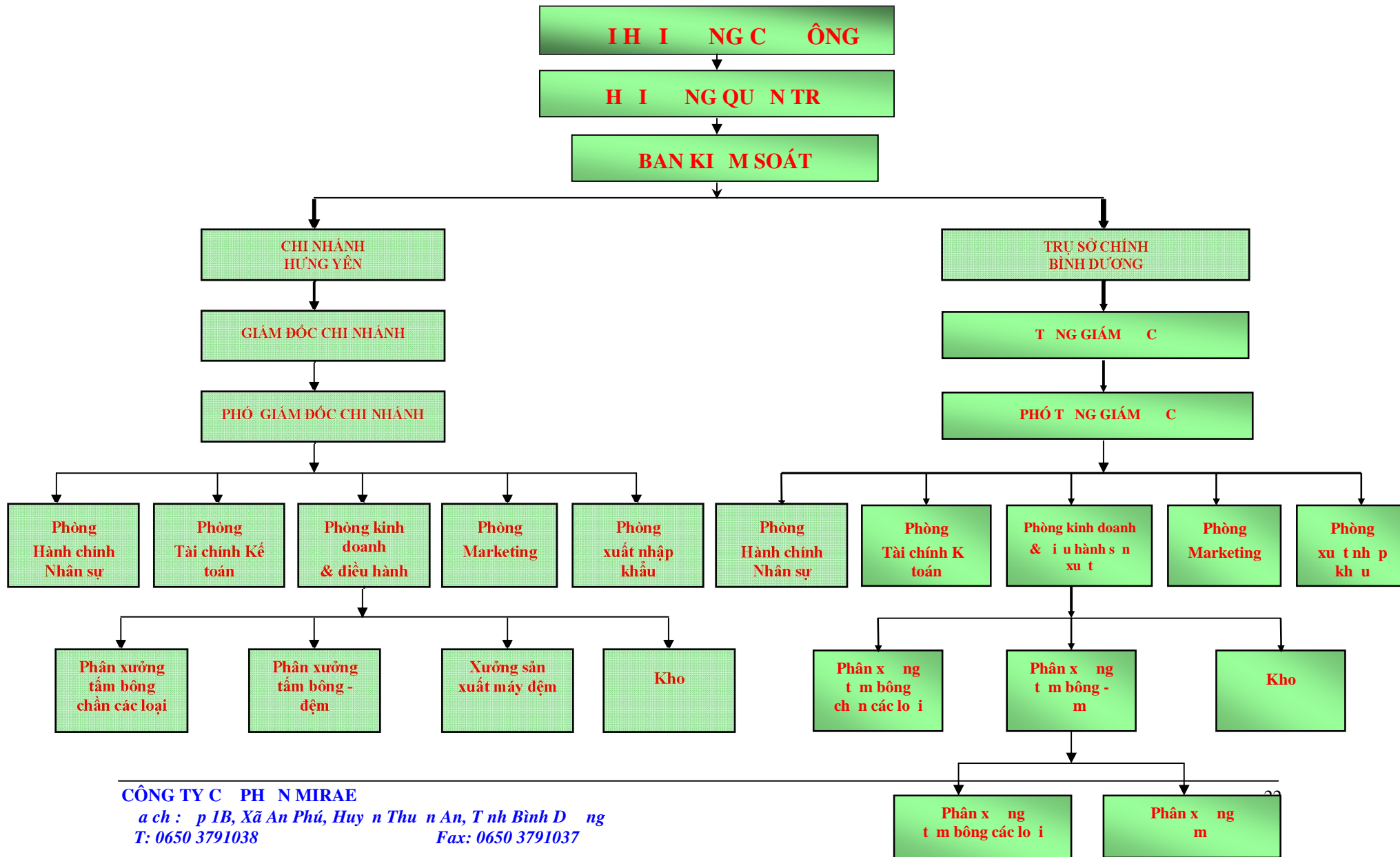
Công ty Cổ phần Mirae được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

Lưu ý Luật số 59/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Lưu ý Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ Công ty đã được thông qua và thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2007, hiệu lực & bổ sung ghi nhận vào ngày 17.04.2010

C C UT CH CVÀ B MÁYQU NLÝ



CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Địa chỉ: ấp IB, Xã An Phú, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương
 T: 0650 3791038 Fax: 0650 3791037

2. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đãi ngộ nhân viên

❖ **Số lượng cán bộ công nhân viên**

Thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động trong Công ty là 293 người. Cơ cấu lao động phân loại như sau:

Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn		
Chỉ định	14	4,78
Cao cấp và trung cấp	26	8,87
Công nhân kỹ thuật, trình độ sơ cấp	253	62,8
Phân loại theo tính chất lao động		
Lao động trực tiếp	240	81,91
Lao động gián tiếp	53	18,09

(Nguồn: Công ty Cổ phần Mirae)

❖ **Chính sách đãi ngộ nhân viên**

• **Chăm lo đời sống**

Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và các quy định khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và các khoản trợ cấp, thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, thể hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo vệ lao động. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thể hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và thể hiện ý thức chăm lo đời sống người lao động.

Công ty ghi ý quy tụ và phát triển các chính sách đãi ngộ nhân viên như chế độ nâng lương, nâng bậc, chế độ ưu đãi sản xuất, nghỉ hưu và chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên... Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày làm việc/tuần với thời gian trung bình là 48 giờ/tuần. Mỗi ngày làm việc chia thành 2 ca, giờ làm việc gồm 8 tiếng làm chính và có thể 4 tiếng tăng ca tùy theo sức khỏe công nhân.

Hợp đồng lao động thông thường ký theo lộ trình: 1-2 tháng thử việc, kế tiếp 6 tháng, kế tiếp 1 năm, dài hạn.

Công ty hỗ trợ sản xuất tại Bình Dương, do vậy với công nhân viên xa nhà làm việc. Công ty có xe đưa đón tới nơi ở miễn phí cho viên công nhân viên Công ty.

• **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Nhận thức về tầm quan trọng của nguồn nhân lực, trong những năm phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới các giải pháp nhân lực:

Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về mọi mặt, về số lượng, chất lượng. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ. Khuyến khích công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, lao động viên năng suất, chất lượng, hiệu quả cao;

Xây dựng chế độ đãi ngộ, thu hút, sử dụng và khuyến khích hấp dẫn với những chuyên gia trình độ cao. Công ty đầu tư chi phí tài chính, các lợi ích khác, các cách thức đãi ngộ, chế độ đãi ngộ và tiếp cận thông tin, thông tin miễn phí về môi trường làm việc, các hoạt động chuyên môn và đời sống sinh hoạt cho những chuyên gia, nhân tài, khuyến khích nhân tài nâng cao trình độ chuyên môn tiếp tục cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Hàng năm tổ chức tuyển chọn và hỗ trợ kinh phí thích đáng các cán bộ công nhân viên có thành tích, trình độ phát triển tốt và nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty trong những lĩnh vực cần thiết để đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn tại Hàn Quốc;

Kiểm toàn bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo hàng tình hình thị trường, sắp xếp biên chế theo chức năng nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;

Tuyển dụng các công nhân viên đặc tuyển bằng phương pháp thông qua hình thức thi tuyển có quy chế rõ ràng, không tuyển dụng thông qua giới thiệu;

m b o y các ch B o hi m xã h i. B o hi m y t và các ch b o tr khác i v i ng i lao ng. Th c hi n ký k t h p ng lao ng v i m i th ành viên trong Công ty. t ch c ký th a c lao ng t p th gi a lãnh o Công ty và Công oàn Công ty b o m quy n l i cho ng i lao ng.

• **Chính sách l ãng. th ãng. phúc l i**

Công ty áp d ãng chính sách tr ãng theo n ãng su t và hi u qu ãng làm vi c c a t ãng lao ng. i v i cán b qu n lý. Công ty xây d ãng quy ch ãng và c H QT phê duy t. L ãng c a cán b qu n lý g m ãng khoán theo ch c danh. công vi c và các kho n ph c p. Bên c nh ó. Công ty có chính sách khen th ãng x ãng áng cho các cá nhân. t p th c ó thành tích xu t s c. có sáng ki n và gi i pháp k thu t em l i hi u qu ãng kinh doanh cao. Hàng n m. Công ty h p xét khen th ãng c n c vào danh sách ãng khen th ãng c a các phòng ban Công ty.

Công ty có chính sách phúc l i h p lý i v i ng i lao ng. Ngoài vi c chi tr c p khó kh n. chi phong trào v n hoá th thao. b i d ãng công nhân viên nhân d p l . T t. chi ãng h Công ty chi tr cho công nhân viên theo m c l ãng c ãng là 14 tháng ãng/n m. Bên c nh ó. Công ty t ch c cho công nhân viên i tham quan. du l ch hàng n m. Nh ãng chính sách trên ã khuy n khích ãng viên k p th i. g n b ó ãng i lao ng v i Công ty.

VIII. THÔNG TIN C ÔNG GÓP V N VÀ QU N TR CÔNG TY

1. Thông tin v Thành viên H i ãng qu n tr , Ban giám c, Ban ki m soát, K toán tr ãng

❖ **H i ãng qu n tr**

H i ãng qu n tr

Ông Shin Young Sik	Ch t ch H i ãng qu n tr
Ông Choi Young Ho	Thành viên H i ãng qu n tr
Bà Lim Yeoung Jun	Thành viên H i ãng qu n tr
Ông Shin Dong Jin	Thành viên H i ãng qu n tr
Ông Park Hee Sung	Thành viên H i ãng qu n tr

• **Chức vụ Hi vọng quản trị**

Họ và tên: **SHIN YOUNG SIK**

Hồ sơ số: KN0878184; Ngày cấp: 17/8/2006; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/12/1958

Nơi sinh: Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Dân tộc: Hàn Quốc

Quê quán: Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc

Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.791 038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản lý

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1978 – Năm 1987

Trưởng Sĩ quan Lực lượng Quân Seoul

Năm 1978 – Năm 1984

Trưởng Quản lý kinh tế Seoul

Năm 1980 – Năm 1987

Trung úy quân đội Seoul

Năm 1987 – Năm 1997

1. Phó giám đốc Công ty MOOLSAM, Seoul, Hàn Quốc

Năm 1998 – Năm 2007

Chức vụ Hi vọng thành viên kiêm Trưởng giám đốc công ty TNHH Mirae Fiber Tech, Seoul, Hàn Quốc

Năm 2001 – tháng 9/2007

Chức vụ Hi vọng thành viên Công ty TNHH Mirae Fiber VN

Tháng 10/2007 – nay

Chức vụ Hi vọng quản trị Công ty Cổ phần Mirae.

Chức vụ hiện nay: Chức vụ Hi vọng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae

S c ph n n m gi n 31.12.2009

S h u cá nhân: 5.932.751 c ph n (m nh giá: 10.000 ng)

i di n s h u: 4.725.926 c ph n (m nh giá: 10.000 ng)

T ng: 10.658.677 c ph n (m nh giá: 10.000 ng)

Nh ng ng i có liên quan:

V : **LIM JEONG YUL**

Sinh ngày: 03/03/1962

S h chi u: SC0564461 do B Ngo i giao và Th ng m i Hàn Qu c c p

Qu c t ch: Hàn Qu c

S c ph n n m gi : 1.371.206 c ph n (m nh giá: 10.000 ng)

• ***Thành viên H i ng qu n tr***

H và tên: **CHOI YOUNG HO**

H chi u s : SC2066027; ngày c p: 24/4/2007; n i c p: B Ngo i giao và Th ng m i Hàn Qu c

Gi i tính: Nam

Ngày tháng n m sinh: 30/7/1968

N i sinh: Seoul. Hàn Qu c

Qu c t ch: Hàn Qu c

Dân t c: Hàn Qu c

Quê quán: Seoul. Hàn Qu c

a ch th ng trú: Sinsigaji APT 905-806. 313 Sinjeong 1 – dong. Yang Cheon – gu. Seoul. Hàn Qu c

S i n tho i liên l c c quan : 0650.791 038

Trình v n hoá: i h c

Trình chuyên môn: Qu n lý

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
Năm 1994 – Năm 2006	Trưởng phòng, phòng nghiên cứu công nghệ thành phố Seoul
Năm 2007 – nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mirae Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ: 132.275 cổ phần

Những người có liên quan: không

• **Thành viên HĐQT**

Họ và tên: **LIM JEONG YUL**

Hồ sơ số: TR0039790; Ngày cấp: 19/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Giới tính: N

Ngày tháng năm sinh: 03/03/1962

Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Dân tộc: Hàn Quốc

Quê quán: Secho Gu, Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Dong-A@ 103 – 508 Jamwon dong, Seocho Gu, Seoul, Hàn Quốc

Số điện thoại liên lạc: 0650.791 038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, đơn vị công tác
Năm 1981 – Năm 1985	Thực tập sinh Anh văn. Seoul. Hàn Quốc
Năm 1985 – Năm 1986	Giáo viên trung học phổ thông Puchon. Hàn Quốc
Năm 1987 – Năm 2003	Làm việc tự do
Năm 2003 – Năm 2007	Giáo viên tại Canada
Tháng 10/2007 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.371.206 cổ phiếu (mệnh giá: 10.000 đồng)

Những người có liên quan:

Chức vụ: SHIN YOUNG SIK (Như đã nêu trên)

• **Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **SHIN DONG JIN**

Hồ sơ số: 7172350; Ngày cấp: 05/4/2007; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/11/1966

Nơi sinh: Seoul, Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Dân tộc: Hàn Quốc

Quê quán: Daegu, Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 169-12, Dae Bong Dong, Daegu, Hàn Quốc

Số điện thoại liên lạc: 0650.791 038

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản lý

Quá trình công tác:

Thời gian công tác Chức vụ, nhiệm vụ công tác

Năm 1994 – Năm 2003 Nhân viên phòng kinh doanh. Công ty Viko Glowin

Năm 2004– Nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

• **Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **PARK HEE SUNG**

Hồ sơ chi số: KR0122474; Ngày cấp: 24/06/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1973

Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Dân tộc: Hàn Quốc

Quê quán: 02-802 KUMHO APT PARKDAL - 2 DONG MANANGU ANYANG CITY KYONGGIDO KORI

Địa chỉ thường trú: (Kumho Apt. 102-802) 149-1. Bakdal 2-dong. Manangu. Anyang-Si. Gyeonggi-Do. Hàn Quốc

Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650.791 038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản lý

Quá trình công tác:

Thời gian công tác Chức vụ, đơn vị công tác

Năm 1998 – Năm 2003 Trưởng phòng kinh doanh. Công ty Viko Glowin. Hàn Quốc
Năm 2003 – nay Giám đốc kinh doanh – Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

❖ **Ban giám đốc**

Ông Shin Dong Jin

Trưởng Giám đốc

Ông Kim Chul Soo

Phó Trưởng Giám đốc

• **Trưởng Giám đốc**

Họ và tên: **SHIN DONG JIN**

Chức vụ hiện nay: Trưởng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Mirae.

(Tham khảo từ Điều 12.1- Hội đồng quản trị)

• **Phó Trưởng Giám đốc**

Họ và tên: **KIM CHUL SOO**

Hồ sơ số: KN0664913; ngày cấp: 2/7/2001; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/11/1966

Nơi sinh: Seoul. Hàn Quốc

Quốc tịch: Hàn Quốc

Dân tộc: Hàn Quốc

Quê quán: Seoul. Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 101-1202, Dea-A Apt. Poong Nap Dong, Song Pa Gu, Seoul. Hàn Quốc

Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0656 791 038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Năm 1985 – Năm 1986

Năm 1986 – Năm 1989

Năm 1989 – Năm 1993

Năm 1993 – Năm 1995

Năm 1995 – Năm 1997

Tháng 11/1997 – Tháng 3/1998

Tháng 3/1998 – Tháng 3/2005

Tháng 3/2005 – Tháng 7/2006

Tháng 8/2005 – Tháng 5/2007

Tháng 6/2007 – Nay

Chức vụ, đơn vị công tác

Nhân viên KOSDAQ. Phòng xuất hàng. Công ty World Wide Express & Tour

Phó trưởng Quân đội

Phó giám đốc Công ty TNHH Poong Lim

Phó giám đốc, phòng tài chính. Công ty Xây dựng và thi công hành máy móc

Giám đốc Công ty TNHH Korea Symons

Phó giám đốc, phòng kế toán. Công ty Korea Moolsan

Giám đốc thi công Công ty Viko Glowin

Trưởng phòng quản lý xuất nhập khẩu. Công ty Dong Yang Menics

phòng quản lý Công ty Yeilbiotech

Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng giám đốc - Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ: 4.630 cổ phần

Những người có liên quan: Không

❖ Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Xuân Thảo Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Liên Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Hằng Thành viên Ban Kiểm soát

• Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO**

CMND số: 024542522; ngày cấp: 10/05/2006; nơi cấp: TP Hồ Chí Minh

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/5/1974

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Bình Thạnh, H. Chí Minh

Địa chỉ thường trú: 229/2A Bùi Đình Túy, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại liên lạc cá nhân: 0650 791 038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ, đơn vị công tác

Tháng 10/1999 – Tháng 5/2000

Nhân viên kế toán, Công ty Ông Nam

Tháng 6/2000 – Tháng 1/2003

Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Thiên Lộc

Tháng 5/2003 – Nay

Kế toán, Công ty Cổ phần Mirae, Bình Dương

Năm 2007 – Nay

Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ: 275.000 cổ phần

Các khoản nợ nội bộ Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đến chức vụ hiện tại: Không

Những người có liên quan: Không

• **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên: **NGUYỄN NGUYỄN C. LIÊN**

Số CMND: 145049620 cấp ngày 14/11/2006 tại H. Quảng Yên

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/08/1981

Nơi sinh: Tr. Nguyễn Tr. Văn Lâm, H. Quảng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tr. Nguyễn Tr. Văn Lâm, H. Quảng Yên

Địa chỉ thường trú: Tr. Nguyễn Tr. Văn Lâm, H. Quảng Yên

Số liên hệ liên lạc quan: 0650.791 038

Trình độ văn hoá: Trung cấp

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ . Nội vụ công tác

Năm 1999 – Tháng 6/2004

Nhân viên kế toán. Công ty xây dựng Công nghiệp và Thương mại Hà Nội

Tháng 7/2004 – Tháng 6/2007

Nhân viên kế toán. Công ty Cổ phần Hà Phát. Hưng Yên

Tháng 7/2007 – Nay

Thành viên Ban Kiểm soát. Công ty Cổ phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Mirae

Số cổ phần nắm giữ : 45.500 cổ phần

Các khoản nợ nội bộ Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đến chức vụ: Không

Nhận xét khác có liên quan: Không

• **Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên : **NGUYỄN THỤ HÙNG**

Số CMND : 271362913 cấp ngày 31/07/1998 tại tỉnh Nghệ An .

Giới tính: N

Ngày tháng năm sinh: 21/11/1978

Nơi sinh: Ninh Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: 6D – Toà 6, Khu phố 1, Phường Trưng Dào, Biên Hoà, tỉnh Nghệ An

Số liên hệ liên lạc quan : 0650.791.038

Trình độ văn hoá: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ, nhiệm vụ công tác
Năm 2000 - 2002	Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2002 - 2004	Nhân viên kinh doanh Công Ty TNHH Viko Glowin
Năm 2004 - nay	Nhân viên kinh doanh Công Ty Cổ Phần Mirae.

Chức vụ hiện nay: Nhân viên kinh doanh Công Ty Cổ Phần Mirae.

Số chứng minh nhân dân: 171.544 chứng minh nhân dân (mệnh giá: 10.000 đồng)

Các khoản nợ thuế: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đến chức vụ hiện tại: Không

Những người có liên quan: Không

❖ **Kiểm toán trưởng**

Họ và tên: **LÊ THẠY TRÂM ANH**

Số CMND: 271117492 cấp ngày 25/05/2004 tại tỉnh Nai

Giới tính: N

Ngày tháng năm sinh: 05/03/1973

Nơi sinh: Biên Hòa, tỉnh Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: G7/3. Khu phố 6. Phường Trung Dũng. Biên Hòa, tỉnh Nai

Địa chỉ thường trú: G7/3. Khu phố 6. Trung Dũng. Biên Hòa, tỉnh Nai

Số điện thoại liên lạc: 0650 791 038

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Quá trình công tác

Thời gian công tác

Chức vụ, nhiệm vụ công tác

Năm 1994 - 2004

Nhân viên kế toán Công Ty TNHH Viko Glowin

Năm 2004 - nay

Kiểm toán trưởng Công ty Cổ Phần Mirae

Chức vụ hiện nay: Kiểm toán trưởng Công ty Cổ Phần Mirae

Số chứng minh nhân dân: 0 chứng minh nhân dân

Các khoản nợ vì Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan tới chủ cổ đông: Không
 Nhân viên có liên quan: Không

2. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhận thù lao tổng cộng là 228.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 VND/tháng/người
 Thành viên HĐQT : 2.500.000 VND/tháng/người
 Trưởng BKS : 2.000.000 VND/tháng/người
 Thành viên BKS : 2.000.000 VND/tháng/người

3. Các dữ liệu thống kê về công góp vốn ngày 18.03.2010 :

❖ Công trong nước

Stt	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Công ty Cổ phần	4.273.853	15,65%
	- Công sở hữu trên 5%	2.724.855	9,98%
	- Công sở hữu dưới 5%	1.548.998	5,67%
2	Công cá nhân	9.244.423	33,86%
	Tổng cộng	13.518.276	49,51%

❖ Công nước ngoài

Stt	Danh mục	Số lượng CP	Tỷ lệ %
1	Công ty Cổ phần	4.808.951	17,61%
	- Công sở hữu trên 5%	4.725.926	17,31%
	- Công sở hữu dưới 5%	83.025	0,3%
2	Công cá nhân	8.976.962	32,88%
	- Công sở hữu trên 5%	5.932.751	21,73%
	- Công sở hữu dưới 5%	3.044.211	11,15%
	Tổng cộng	13.785.913	50,49%

❖ **Thông tin về công nhân**

STT	Tên công ông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	MIRAE FIBER TECH CO., LTD	Yoksam heights 1807-1806. 642-19 Yoksam-dong. Kangnam-ku. Seoul. Hàn Quốc	4.725.926	17,31%
2	SHIN YOUNG SIK	Dong-A @103-508. Jamwon-Dong. Seocho Gu. Seoul. Korea	5.932.751	21,73%
3	LIM JEONG YUL	Dong-A @103-508. Jamwon-Dong. Seocho Gu. Seoul. Korea	1.371.206	5,02%

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC :

1. Các hoạt động xã hội :

Ngoài công tác chăm lo đời sống cho nhân viên của Công ty, Phòng nhân sự của Công ty còn giúp cho Ban lãnh đạo và nhân viên công ty thực hiện các công tác xã hội và công tác thiện nguyện. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi quyên góp hỗ trợ cho Trung Tâm Nhân đạo Quê Hương. Năm 2009, Công ty đã cung cấp quần áo, giày dép cho các trẻ em mồ côi tại Trung Tâm. Các lãnh đạo nội địa Hàn Quốc của Công ty cũng giúp kêu gọi sự quan tâm, giúp đỡ cho Trung Tâm từ phía các nhà tài trợ, các tổ chức nhân đạo tại Hàn Quốc.

2. Các hoạt động môi trường :

Vì mục tiêu phát triển vì lợi ích của toàn thể các công đồng, Công ty đã thường xuyên cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động và các kế hoạch phát triển trên website công ty, các phương tiện thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, các báo, tạp chí ...

Tháng 11 năm 2009, Công ty đã phối hợp với Công ty chứng khoán BNP Việt Nam tổ chức buổi họp thông tin “KMR&KMF sáp nhập – Cơ hội đầu tư mới”.

Nội địa thị trường ngoài các công đồng, các nhà đầu tư, còn có các phóng viên của các báo, tạp chí, các chuyên viên phân tích của các công ty chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty đã cung cấp thông tin và giải đáp các câu hỏi của các công đồng liên quan đến việc sáp nhập với Công ty cổ phần Mirae Fiber, các kế hoạch phát triển và cơ hội đầu tư là kế hoạch phát hành và niêm yết cổ phiếu trên sàn KOSDAQ – Hàn Quốc. Hội đồng đã giúp các nhà đầu tư hiểu rõ và tin tưởng hơn vào các kế hoạch phát triển của Công ty.

Bình Dương, ngàytháng.....năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHÍNH CHỨC

SHIN YOUNG SIK